

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng Nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 03/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Thông báo số 419-TB/TU ngày 22/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh - Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 79/TTr-VPĐP ngày 24/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
 - Ban chỉ đạo TW Các CT MTQG;
 - Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
 - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - CVP, các PVP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, NN (M).
- } (để b/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2021-2025

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 177/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của
UBND tỉnh Nghệ An)*

Để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đồng bộ, kịp thời, thống nhất, có hiệu quả và trở thành phong trào thi đua sâu rộng trên toàn tỉnh; huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội vào công cuộc xây dựng nông thôn mới, hoàn thành các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, với những nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Cơ bản hoàn thành các công trình thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của cư dân nông thôn: Giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế; nâng cao chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn; tạo nhiều mô hình sản xuất gắn với việc làm ổn định cho nhân dân.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chương trình trên địa bàn toàn tỉnh, xây dựng kế hoạch lộ trình tiếp tục thực hiện xã đạt chuẩn theo các mức độ (*đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu*), thôn/bản đạt chuẩn Nông thôn mới (NTM), khu dân cư kiểu mẫu và vườn chuẩn. Duy trì và nâng cao chất lượng NTM các cấp (*huyện, xã, thôn/xóm/bản*) theo các mức độ (*đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu*).

- Tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế xã hội địa phương, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, từng bước thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị; Tạo nhiều mô hình sản xuất gắn với việc làm ổn định cho nhân dân; Giữ vững môi trường cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025 có ít nhất 337 xã đạt chuẩn NTM, tương đương 82% số xã toàn tỉnh (*trong đó, có 135 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, tương đương 40% số xã NTM; có 34 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, tương đương 10% số xã NTM*). Bình quân đạt 17,31 tiêu chí/xã. Thu nhập bình quân đến năm 2025 tăng 1,7 lần so với năm 2020.

- Tiếp tục xây dựng NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu đối với các xã, huyện đã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới, phần đầu có ít nhất 11 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (*trong đó có: 1-2 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM nâng cao và huyện Nam Đàn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu theo hướng phát triển văn hóa gắn với du lịch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 04/01/2019*).

- Có 200 thôn, xóm, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực III và xã biên giới đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí.

- Có 800 Vườn chuẩn NTM đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí.

(Có Phụ lục số 1, 2, 2.1, 2.2, 2.3, 3, 4, 5, 6 kèm theo)

II. NỘI DUNG

Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 gồm 14 nội dung thành phần (như giai đoạn 2010-2020). Trong đó, các mục tiêu, chỉ tiêu phần đầu, nội dung, nhiệm vụ thực hiện được điều chỉnh, bổ sung theo hướng cụ thể hoá chủ trương đường lối của Đảng, Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch Phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 của tỉnh; phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh của các huyện, xã và các quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM các cấp (*tỉnh, huyện, xã*) theo các mức độ (*đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu*) thực hiện trong giai đoạn 2021-2025.

1. Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng NTM theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá

1.1. Mục tiêu

- Đạt yêu cầu của tiêu chí số 1 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, xã NTM nâng cao, huyện NTM, huyện NTM nâng cao.

- Đến năm 2025: Có 100% số xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí về xã NTM, có ít nhất 50% số xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao; có ít nhất 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 1 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM, trong đó, có ít nhất 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 1 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao

1.2. Nội dung

- Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn) và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa theo quy định pháp luật về quy hoạch, phù

hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó có quy hoạch khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn. Từng bước lập quy hoạch chi tiết xây dựng (sau quy hoạch chung xây dựng xã) nhằm quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan ở khu vực nông thôn. Tập trung quy hoạch lại các khu cụm dân cư/thôn, bản tại các xã biên giới.

- Nội dung 02: Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện gắn với quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM, trong đó, có quy hoạch khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

- Nội dung 03: Xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch tỉnh (nếu có), tạo điều kiện thực hiện Chương trình gắn với phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.

1.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- Sở Xây dựng căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, phối hợp với sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nội dung 01, 02;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn nội dung 03.

1.4. Đối tượng thụ hưởng: Người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

1.5. Nguồn vốn thực hiện: Vốn từ nguồn ngân sách các cấp theo quy định.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền

2.1. Mục tiêu

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 về giao thông, tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai, tiêu chí số 4 về điện, tiêu chí số 5 về trường học, tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa, tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng nông thôn, tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, tiêu chí số 15 về y tế, tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM;

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 về giao thông, tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai, tiêu chí số 4 về điện, tiêu chí số 5 về giáo dục, tiêu chí số 6 về văn hóa, tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, tiêu chí số 17 về môi trường, tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 về giao thông, tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng, chống thiên tai, tiêu chí số 4 về điện, tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục, tiêu chí số 6 về kinh tế, tiêu chí số 7 về môi trường, tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM;

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 về giao thông, tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng, chống thiên tai, tiêu chí số 4 về điện, tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục, tiêu chí số 6 về kinh tế, tiêu chí số 7 về môi trường, tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

2.2. Nội dung

- Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 86% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, trong đó, có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: Có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM, trong đó, có 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 02: Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp xã, huyện, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 98% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, trong đó, có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: Có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM, trong đó, có 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 03: Cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 98% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về điện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, trong đó, có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về điện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: Có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 4 về điện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 4 về điện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 04: Tiếp tục xây dựng, hoàn chỉnh các công trình cấp xã, cấp huyện đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất cho các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông

có nhiều cấp học, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về trường học thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: Có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM, trong đó, có 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 05: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa thể thao cấp xã, thôn, các trung tâm văn hóa - thể thao huyện; tu bổ, tôn tạo các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch nông thôn. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 82% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, trong đó, có 40% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: Có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; có 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 06: Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã; các chợ trung tâm, chợ đầu mối, trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện; trung tâm kỹ thuật nông nghiệp; hệ thống trung tâm cung ứng nông sản hiện đại. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn thuộc Bộ tiêu chí xã NTM; 70% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: Có ít nhất 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 07: Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ các vùng nguyên liệu tập trung gắn với liên kết chuỗi giá trị, cơ sở hạ tầng các cụm làng nghề, ngành nghề nông thôn. Đến năm 2025: Có ít nhất 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; có 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 08: Tiếp tục xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

+ Cấp huyện: Có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM.

- Nội dung 09: Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn (theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ); tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, ưu tiên phát triển, nâng cấp các đài truyền thanh xã có cụm loa hoạt động đến thôn và tăng cường phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện; phát triển và duy trì các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính. Đến năm 2025, có 97% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Nội dung 10: Xây dựng, hoàn thiện các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, đảm bảo chất lượng đạt chuẩn theo quy định. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có ít nhất 90% số xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: Có khoảng 60% số huyện đạt tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; có 25% số huyện đạt tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 11: Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; thu hút các doanh nghiệp đầu tư các khu xử lý chất thải tập trung quy mô liên huyện, liên tỉnh; đầu tư hạ tầng các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng các mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô tập trung (cấp huyện và liên huyện), ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường; đầu tư, cải tạo, nâng cấp đồng bộ hệ thống thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung và tại chỗ phù hợp; trong đó có phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: Có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

+ Cấp huyện: Có ít nhất 60% số huyện đạt tiêu chí số 7 về môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; có 25% số huyện đạt tiêu chí số 7 về môi trường thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

2.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- Sở Giao thông vận tải căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung: 02; 07; 10; chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn thực hiện nội dung đầu tư xây dựng các trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện, trung tâm kỹ thuật nông nghiệp, hệ thống trung tâm cung ứng nông sản hiện đại thuộc nội dung số 06; chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện nội dung phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn thuộc nội dung 11.

- Sở Công Thương căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn thực hiện các nội dung 03, 06 (trừ nội dung đầu tư xây dựng các trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện, trung tâm kỹ thuật nông nghiệp, hệ thống trung tâm cung ứng nông sản hiện đại).

- Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn thực hiện nội dung 04.

- Sở Văn hóa, Thể thao căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn thực hiện nội dung 05.

- Sở Y tế căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn thực hiện nội dung 08.

- Sở Thông tin và Truyền thông căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn thực hiện nội dung 09.

- Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 11 (trừ nội dung phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn).

2.4. Đối tượng thụ hưởng: Người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

2.5. Nguồn vốn thực hiện: Vốn ngân sách Trung ương của Chương trình MTQG xây dựng NTM; Vốn ngân sách địa phương các cấp (tỉnh, huyện, xã); Vốn từ Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng Dân tộc thiểu số và Miền núi hỗ trợ các công trình cơ sở hạ tầng cấp xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng Dân tộc thiểu số và Miền núi; Vốn từ Chương trình Giảm nghèo bền vững hỗ trợ

các công trình cơ sở hạ tầng cấp xã, thôn, bản ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, và các huyện nghèo; Vốn từ Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn hỗ trợ các trung tâm y tế xã (từ Ngân hàng phát triển Châu Á - ADB); Vốn huy động từ doanh nghiệp, tổ chức theo hình thức xã hội hóa đầu tư các công trình điện, thương mại nông thôn; Vốn huy động từ người dân, cộng đồng dân cư.

3. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững

3.1. Mục tiêu

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 về thu nhập, tiêu chí số 12 về lao động, tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; tiêu chí số 10 về thu nhập, tiêu chí số 12 về lao động, tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao; tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; tiêu chí số 6 về kinh tế, thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Đến năm 2025

+ Có 82% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 10 về thu nhập; 85% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 12 về lao động; 82% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM;

Có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 10 về thu nhập; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 12 về lao động; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Có ít nhất 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về kinh tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

3.2. Nội dung

- Nội dung 01: Tập trung triển khai cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ theo hướng kinh tế tuần

hoàn, nông nghiệp sinh thái, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên và hạ tầng kinh tế xã hội.

- Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.

- Nội dung 03: Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách đầu tư bảo vệ, phát triển rừng, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; chú trọng đẩy mạnh phát triển các mô hình liên kết trồng rừng gỗ lớn tập trung, gắn với cấp chứng chỉ rừng bền vững; phát triển lâm sản ngoài gỗ theo thế mạnh của từng vùng.

- Nội dung 04: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền, phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn; đẩy mạnh sản xuất, chế biến muối theo chuỗi giá trị.

- Nội dung 05: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị; thu hút khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp.

- Nội dung 06: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản; đa dạng hoá hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ đảm bảo bền vững trước các biến động của thiên tai, dịch bệnh, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn gắn với việc đáp ứng các tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Nội dung 07: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

- Nội dung 08: Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững, bao trùm và đa giá trị.

- Nội dung 09: Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn.

3.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì và hướng dẫn thực hiện các nội dung 01, 02, 03, 04, 07; chủ trì, phối hợp với sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và sở, ngành địa phương có liên quan hướng dẫn thực hiện nội dung 05; chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương thực hiện nội dung số 06 (trừ nội dung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn gắn với việc đáp ứng các tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và đáp ứng nhu cầu thị trường); phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện nội dung về đào tạo nghề cho lao động nông thôn thuộc nội dung 09; chủ trì tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, hỗ trợ xây dựng các chương trình, mô hình khởi nghiệp, sáng tạo thuộc nội dung 09.

Căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch hướng dẫn nội dung số 08.

- Sở Công Thương căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn gắn với việc đáp ứng các tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và đáp ứng nhu cầu thị trường thuộc nội dung 06.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì và hướng dẫn thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thuộc nội dung 05.

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 09; tổ chức đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Các tổ chức chính trị - xã hội (Hội Nông dân Nghệ An, Hội Liên hiệp Phụ nữ Nghệ An, Liên minh Hợp tác xã Nghệ An, Liên hiệp Các Hội Khoa học và kỹ thuật Nghệ An, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Nghệ An, ...) chủ trì và hướng dẫn triển khai Chương trình sáng tạo, khởi nghiệp gắn với Chương trình OCOP và phát triển hợp tác xã, phát triển du lịch nông thôn.

3.4. Đối tượng thụ hưởng: Người dân, cộng đồng dân cư, Hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

3.5. Nguồn vốn thực hiện: Vốn ngân sách Trung ương của Chương trình NTM; Vốn ngân sách địa phương; Vốn tín dụng hỗ trợ phát triển sản xuất; Vốn doanh nghiệp, hợp tác xã...; Vốn từ Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng Dân tộc thiểu số và Miền núi; Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững; Vốn từ các Chương trình, Đề án, dự án có liên quan thực hiện trên địa bàn nông thôn.

4. Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi

4.1. Mục tiêu

Đạt yêu cầu của tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư và tiêu chí số 11 về hộ nghèo thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về NTM; tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư và tiêu chí số 11 về hộ nghèo thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư, 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 về hộ nghèo thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư, 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 về hộ nghèo thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

4.2. Nội dung

- Nội dung 01: Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

- Nội dung 02: Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nhà ở, xóa nhà tạm, dột nát; nâng cao chất lượng nhà ở dân cư.

4.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì và hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các chính sách an sinh xã hội thuộc nội dung số 01.

- Ban Dân tộc tỉnh căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì và hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025, thuộc nội dung số 01.

- Sở Xây dựng căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung số 02.

4.4. Đối tượng thụ hưởng: Theo đối tượng thụ hưởng của từng Chương trình MTQG và các chương trình có liên quan.

4.5. Nguồn vốn thực hiện: Vốn từ Chương trình Giảm nghèo bền vững hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; Các huyện nghèo; Vốn từ Chương trình vùng Dân tộc thiểu số và Miền núi hỗ trợ các xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Vốn hỗ trợ nhà ở và vốn thực hiện các chính sách an sinh xã hội theo quy định; Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác ngoài ngân sách để thực hiện.

5. Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn

5.1. Mục tiêu

- Đạt yêu cầu của tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo; tiêu chí số 15 về y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo; 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 về giáo dục; tiêu chí số 14 về y tế trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có 60% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về giáo dục; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

5.2. Nội dung

- Nội dung 1: Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn, trong đó, chú trọng duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở. Duy trì, củng cố chất lượng biết chữ mức độ 1; từng bước nâng cao tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15-60 tuổi.

- Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

5.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01.

- Sở Y tế căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 02.

5.4. Đối tượng thụ hưởng: Người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

5.5. Nguồn vốn thực hiện: Vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương; Vốn hỗ trợ ngân sách địa phương; Vốn lồng ghép từ các Chương trình, Đề án, dự án trên địa bàn.

6. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn

6.1. Mục tiêu

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có 82% số xã chuẩn đạt tiêu chí số 16 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có 40% số xã chuẩn đạt tiêu chí số 6 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, có 60% số huyện đạt tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

6.2. Nội dung

- Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi). Phát động các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hóa, văn nghệ quần chúng phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

- Nội dung 02: Tăng cường kiểm kê, ghi danh các di sản văn hóa; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; nghiên cứu, mở rộng mô hình kết nối văn hóa truyền thống và văn hóa mới, đảm bảo đa dạng về văn hóa vùng miền, dân tộc phục vụ phát triển du lịch.

- Nội dung 03: Đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng gắn với xây dựng NTM; rà soát bổ sung các tua du lịch lịch nông thôn, du lịch cộng đồng phục vụ khách du lịch.

6.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

Sở Văn hóa và Thể thao căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01, nội dung 02.

Sở Du lịch căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 03

6.4. Đối tượng thụ hưởng: Người dân, cộng đồng dân cư, Hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

6.5. Nguồn vốn thực hiện: Vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương; Vốn ngân sách địa phương; Vốn từ doanh nghiệp, cộng đồng dân cư...; Vốn lồng ghép từ các Chương trình, Đề án, dự án trên địa bàn.

7. Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn

7.1. Mục tiêu

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

- Đạt yêu cầu về tiêu chí số 17 về môi trường và tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 về môi trường và tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 7 về môi trường; có khoảng 70% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí về huyện NTM.

- Đạt yêu cầu về tiêu chí số 7 về môi trường và tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 7 về môi trường; 40% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí về huyện NTM nâng cao.

7.2. Nội dung

- Nội dung 01: Xây dựng và tổ chức hướng dẫn thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh.

- Nội dung 02: Thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải (phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, chất thải nhựa...) theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở Việt Nam; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa.

- Nội dung 03: Đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên.

- Nội dung 04: Cải tạo nghĩa trang phù hợp với cảnh quan môi trường; xây dựng mới và mở rộng các cơ sở mai táng, hỏa táng phải phù hợp với các quy định và theo quy hoạch.

- Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu.

- Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; cải thiện vệ sinh hộ gia đình.

- Nội dung 07: Triển khai hiệu quả Chương trình “Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025”; Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2030.

7.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01, 03; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện nội dung 07.

- Sở Xây dựng căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung số 04.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung 02, 05, 07, nội dung đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản thuộc nội dung số 06.

- Sở Y tế căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cải thiện vệ sinh hộ gia đình thuộc nội dung thành phần số 06.

7.4. Đối tượng thụ hưởng: Người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

7.5. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương; Vốn tín dụng; Vốn từ doanh nghiệp, cộng đồng dân cư; Vốn lồng ghép từ các Chương trình, Đề án, dự án trên địa bàn.

8. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới

8.1. Mục tiêu

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 97% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông; 95% xã đạt chuẩn tiêu chí số 18 về tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, tiêu chí số 15 về hành chính công, tiêu chí số 16 về tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 50% số xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông; ít nhất 50% số xã chuẩn đạt tiêu chí số 15 về hành chính công; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 16 về tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 về an ninh, trật tự - hành chính công trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM. Đến năm 2025, có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 9 về an ninh trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 về an ninh, trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 9 về an ninh trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

8.2. Nội dung

- Nội dung 01: Triển khai đề án về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho cán bộ, công chức xã theo quy định, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM.

- Nội dung 02: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp (xã, huyện, tỉnh);

gắn mã, cập nhật, thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã; phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn.

- Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021-2025.

- Nội dung 04: Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn.

- Nội dung 05: Nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý.

- Nội dung 06: Tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

8.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- Sở Nội vụ căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung 01.

- Văn phòng UBND tỉnh căn cứ hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương chủ trì hướng dẫn nội dung 02.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện nội dung 03.

- Sở Tư pháp căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung 04 và 05;

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh hướng dẫn thực hiện nội dung 06

8.4. Đối tượng thụ hưởng: Người dân, cộng đồng dân cư, Hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

8.5. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương; Vốn từ doanh nghiệp, cộng đồng dân cư; Vốn lồng ghép từ các Chương trình, Đề án, dự án trên địa bàn.

9. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM

9.1. Mục tiêu

Đáp ứng yêu cầu tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có 100% số xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

9.2. Nội dung

- Nội dung 01: Tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng NTM; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM.

- Nội dung 02: Triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”.

- Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”.

- Nội dung 04: Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng NTM.

- Nội dung số 05: Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”.

9.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01.

- Hội Nông dân tỉnh Nghệ An căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 02.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Nghệ An căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung số 03, 05.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Nghệ An căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 04.

9.4. Đối tượng thụ hưởng: Người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

9.5. *Nguồn vốn thực hiện:* Nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương; Vốn huy động từ các tổ chức, cộng đồng dân cư.

10. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn

10.1 Mục tiêu

- Đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có 99% số xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; 50% số xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 về an ninh, trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM, huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 60% số huyện đạt tiêu chí số 9 về an ninh trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 25% số huyện đạt tiêu chí số 9 về an ninh trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

10.2. Nội dung

- Nội dung 01: Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh ngay từ đầu, từ nơi xuất phát và ngay tại cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”, hạn chế để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự...; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; củng cố, xây dựng, nhân rộng các mô hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tự phòng, tự quản, tự vệ, tự hòa giải...; triển khai hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

- Nội dung 02: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng NTM.

10.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- Công an tỉnh căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 02.

10.4. Đối tượng thụ hưởng: Người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

10.5. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương; Vốn huy động từ doanh nghiệp, cộng đồng dân cư; Vốn lồng ghép từ các Chương trình, Đề án, dự án trên địa bàn.

11. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM

11.1. Mục tiêu

Đảm bảo 100% cán bộ chuyên trách xây dựng NTM các cấp, 100% cán bộ trong hệ thống chính trị tham gia chỉ đạo xây dựng NTM được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Văn phòng Điều phối NTM các cấp; triển khai sâu rộng Phong trào cả nước chung sức xây dựng NTM từ trung ương đến cơ sở.

11.2. Nội dung

- Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng.

- Nội dung 02: Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở.

- Nội dung 03: Đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng NTM.

- Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM.

- Nội dung 05: Tiếp tục triển khai rộng khắp phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng NTM”.

11.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01, 02; chủ trì, phối hợp với Hội Nông dân tỉnh hướng dẫn thực hiện nội dung 03; chủ trì, phối hợp

với Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện nội dung 04.

- Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 05.

11.4. Đối tượng thụ hưởng: Người dân, cộng đồng dân cư, Hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

11.5. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương; Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

12. Xây dựng huyện Nam Đàn thành huyện NTM kiểu mẫu

12.1. Mục tiêu

Nâng cao toàn diện chất lượng xây dựng NTM trên địa bàn; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống lịch sử cách mạng, làm động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thông qua hoạt động du lịch, dịch vụ, đưa Nam Đàn trở thành huyện NTM kiểu mẫu về “Phát triển văn hóa gắn với du lịch”, góp phần tạo ra sức lan tỏa trên toàn quốc.

12.2. Nội dung

Thực hiện tốt các nội dung tại Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 04/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm “Xây dựng huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An trở thành huyện NTM kiểu mẫu theo hướng phát triển văn hóa gắn với du lịch giai đoạn 2018 - 2025” và Quyết định số 913/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 17/QĐ-TTg, ngày 04/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm “Xây dựng huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An trở thành huyện NTM kiểu mẫu theo hướng phát triển văn hóa gắn với du lịch, giai đoạn 2018-2025”.

12.3. Đối tượng thụ hưởng: Người dân, cộng đồng dân cư, Hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn của huyện Nam Đàn.

12.4. Nguồn vốn thực hiện: Vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương; Vốn ngân sách địa phương; Vốn từ doanh nghiệp, cộng đồng dân cư...; Vốn lồng ghép từ các Chương trình, Đề án, dự án trên địa bàn.

13. Xây dựng NTM thôn, xóm, bản

13.1. Mục tiêu: Xây dựng và nhân rộng mô hình NTM cấp thôn, xóm, bản ở các xã đặc biệt khó khăn Khu vực III, xã biên giới. Phấn đấu đến hết năm 2025, toàn tỉnh có 200 thôn, xóm, bản được công nhận đạt chuẩn NTM thuộc các xã vùng đặc biệt khó khăn Khu vực III, xã biên giới chưa đạt chuẩn NTM cấp xã.

13.2. Nội dung: Xây dựng thôn, xóm, bản đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí của tỉnh.

13.3. Đối tượng thụ hưởng: Người dân, cộng đồng dân cư, Hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

13.4. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương; Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

14. Xây dựng Vườn chuẩn NTM

14.1. Mục tiêu: Xây dựng và nhân rộng các mô hình Vườn chuẩn NTM đã tổ chức giai đoạn 2019-2020. Phấn đấu đến hết năm 2025, toàn tỉnh có 800 Vườn chuẩn NTM được công nhận theo Bộ tiêu chí.

14.2. Nội dung: Xây dựng thôn, xóm, bản đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí của tỉnh.

14.3. Đối tượng thụ hưởng: Người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

14.4. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương; Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

III. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC

1. Dự kiến kế hoạch nguồn lực

Tập trung huy động các nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng - xã hội vùng nông thôn, nhất là hệ thống giao thông, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn; phát triển mạng lưới trường học, trạm y tế, hạ tầng thông tin truyền thông ... Ưu tiên đầu tư xây dựng các hạng mục, tiêu chí gần đạt được tiêu chí quốc gia về NTM và các xã có khả năng sớm đạt xã NTM. Thực hiện công khai cơ cấu các nguồn kinh phí đầu tư đối với các công trình xây dựng hạ tầng cơ sở nông thôn để người dân được thảo luận và tự nguyện tham gia hiến đất, đóng góp công sức, tiền của.

Tổng vốn kế hoạch cả giai đoạn dự kiến là: **56.258.564 triệu đồng¹**.

(1) Vốn ngân sách nhà nước:	4.958.496 triệu đồng, chiếm 9,32%
- Vốn ngân sách Trung ương:	1.682.896 triệu đồng, chiếm 2,99%.
- Vốn ngân sách địa phương:	3.275.600 triệu đồng, chiếm 5,82%

Trong đó:

+ Ngân sách tỉnh:	675.600 triệu đồng, chiếm 1,2%.
-------------------	---------------------------------

¹ Căn cứ nguồn lực và cơ cấu nguồn lực thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và Tờ trình số 2311/TTr-BKHĐT ngày 07/04/2022); theo đó, ngân sách Trung ương dự kiến phân bổ cho tỉnh Nghệ An thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 1.682.896 triệu đồng.

+ Ngân sách huyện:	1.750.000 triệu đồng, chiếm 3,11%.
+ Ngân sách xã:	850.000 triệu đồng, chiếm 1,51%.
(2) Vốn lồng ghép các Chương trình:	5.091.812 triệu đồng, chiếm 9,05%.
(3) Vốn tín dụng:	40.550.687 triệu đồng, chiếm 72,08%.
(4) Vốn doanh nghiệp:	2.432.755 triệu đồng, chiếm 4,32%.
(5) Vốn nhân dân đóng góp	3.224.814 triệu đồng, chiếm 5,73%.

(Có phụ lục số 07 kèm theo)

2. Khả năng huy động các nguồn lực khác để thực hiện

Ngoài nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình, cần tập trung huy động các nguồn lực khác, đặc biệt là nguồn xã hội hóa để thực hiện Chương trình, cụ thể:

2.1. Vốn ngân sách địa phương

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn, thưởng công trình phúc lợi, thưởng xây dựng Vườn chuẩn NTM theo Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ trong xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025; Hỗ trợ Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số Chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã, liên kết sản xuất trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Ngoài ra tỉnh sẽ cân đối ngân sách để đối ứng trực tiếp theo quy định của Trung ương để thực hiện Chương trình.

- Ngân sách cấp huyện, xã được ưu tiên dành nguồn lực từ đầu giá quyền sử dụng đất để lại cho cấp huyện, xã và từ nguồn vượt thu ngân sách các cấp để bổ sung vốn cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

2.2. Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án trên địa bàn

Tổng vốn lồng ghép dự kiến khoảng khoảng 5.091.812 triệu đồng, cụ thể

a) Từ 02 Chương trình mục tiêu quốc gia

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, đã được Quốc hội phê duyệt, tập trung đầu tư cho khoảng 76 xã khu vực III miền núi đặc

biệt khó khăn² và 38 thôn đặc biệt khó khăn³ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để thực hiện theo quy hoạch xã NTM đã được phê duyệt, theo Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2021-2025 để góp phần hoàn thành mục tiêu không còn xã dưới 15 tiêu chí và khuyến khích các địa phương có điều kiện phấn đấu đạt chuẩn giai đoạn 2021-2025.

- Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (*Đối với các xã, huyện thuộc các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo*), có 3 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao và 3 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển được hỗ trợ để thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt và Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2021-2025 để góp phần hoàn thành mục tiêu không còn xã dưới 15 tiêu chí và khuyến khích các địa phương có điều kiện phấn đấu đạt chuẩn giai đoạn 2021-2025.

b) Phần vốn lồng ghép còn lại dự kiến từ các chương trình, đề án

- Các Chương trình, Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện trong giai đoạn 2021-2025:

+ Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (*Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ*).

+ Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 (*Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ*).

+ Chương trình Khuyến Công quốc gia giai đoạn 2021-2025 (*Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ*).

+ Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới (*theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ*).

+ Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025 (*theo Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ*); Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025 được ban hành theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (*Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ*).

² Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

³ Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Bộ trưởng, Chỉ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

+ Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025 (*Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ*).

+ Đề án Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 (*Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ*).

+ Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030 (*Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ*).

- Từ các dự án vốn ODA: Các dự án phát triển đường giao thông, vay vốn WB, các dự án hỗ trợ phát triển hệ thống trung tâm cung ứng nông sản hiện đại, vay vốn AFD; Chương trình mục tiêu Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, vay vốn WB và ADB,... và các nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế.

2.3. Vốn tín dụng

Trong giai đoạn 2021-2025, trên cơ sở xác định nông nghiệp, nông thôn, nông dân là một trong những lĩnh vực ưu tiên của nền kinh tế được Đảng và Nhà nước quan tâm hỗ trợ phát triển, ngành Ngân hàng tiếp tục tập trung, chủ động tăng cường huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước để đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu vay vốn phục vụ xây dựng NTM, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn, nhất là ở các vùng còn nhiều khó khăn. Chính sách tín dụng tập trung vào cho vay phát triển sản xuất quy mô lớn, nông nghiệp công nghệ cao, nuôi trồng thủy, hải sản, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị phục vụ xuất khẩu,... Bên cạnh đó, ngành Ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai, thực hiện các chính sách, chương trình tín dụng đặc thù đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, các chương trình tín dụng chính sách đặc biệt là tại các vùng khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa.

2.4. Vốn từ các doanh nghiệp, HTX và các loại hình kinh tế khác

Để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp, Hợp tác xã và các loại hình kinh tế khác đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2.5. Huy động đóng góp tự nguyện của cộng đồng dân cư

Tuyên truyền huy động đóng góp tự nguyện của cộng đồng dân cư (*tiền, ngày công, hiến đất, đóng góp vật liệu xây dựng,...*).

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG TÂM

1. Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và cư dân nông thôn, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua xây dựng

NTM, phong trào “*Cả nước chung sức xây dựng NTM*” giai đoạn 2021-2025 do Thủ tướng Chính phủ phát động.

2. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện khung khổ pháp luật, cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng NTM, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế; Chỉ đạo các địa phương chủ động ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ thực hiện các nội dung của Chương trình theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững.

3. Thực hiện hiệu quả các nội dung của Chương trình và các Chương trình, dự án chuyên đề trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người dân nông thôn và giải quyết các vấn đề bức xúc, tồn tại trong xây dựng NTM (*môi trường, an toàn thực phẩm, nước sạch nông thôn, phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX, hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo, thực hiện Chương trình OCOP; chuyển đổi số trong xây dựng NTM, phát triển du lịch nông thôn...*).

4. Huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định; Căn cứ vào tình hình thực tế, Chính phủ tiếp tục cân đối ngân sách Trung ương để ưu tiên bổ sung cho Chương trình, các địa phương phải có trách nhiệm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình.

- Huy động tối đa nguồn lực của địa phương (tỉnh, huyện, xã) để tổ chức triển khai Chương trình. Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước được phân bổ đầu tư cho các địa bàn khó khăn để góp phần thu hẹp khoảng cách xây dựng NTM giữa các vùng, miền. Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể tỷ lệ phân cấp nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất (sau khi hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã cho ngân sách xã để thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM”. Khuyến khích các địa phương có kinh tế phát triển hỗ trợ cho các địa phương khó khăn đẩy nhanh tiến độ xây dựng NTM.

- Thực hiện lồng ghép hiệu quả nguồn vốn của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn nông thôn giai đoạn 2021-2025 để hỗ trợ các địa phương hoàn thành các mục tiêu xây dựng NTM được Quốc hội phê duyệt.

- Thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là bổ sung nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội để ưu tiên hỗ trợ triển khai Chương trình OCOP, hỗ trợ áp dụng công nghệ chế biến vừa và nhỏ trong nông nghiệp, môi trường và nước sạch nông thôn; Khuyến khích cho vay ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội.

- Tăng cường vận động các tổ chức kinh tế đăng ký hỗ trợ các địa phương (huyện, xã) thực hiện xây dựng NTM; Vận động người dân tiếp tục tham gia đóng góp xây dựng NTM theo nguyên tắc tự nguyện cho từng dự án, nội dung cụ thể, do Hội đồng nhân dân xã thông qua.

5. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh và các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

- Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ chuyên môn triển khai lồng ghép các hoạt động, chương trình, dự án, các phong trào của cơ quan, đơn vị trên địa bàn nông thôn giúp các địa phương thực hiện hiệu quả các nội dung trong xây dựng NTM.

- Các sở, ban, ngành liên quan đến các chỉ tiêu, tiêu chí thuộc lĩnh vực phụ trách: Tiến hành rà soát, thẩm tra, kiểm tra hiện trạng NTM theo Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025 đảm bảo thực chất, đúng quy định; Xây dựng, ban hành kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện, trong đó đặt ra kế hoạch cụ thể trong giai đoạn và hàng năm đến từng tiêu chí, từng xã. Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, giúp các địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

(Phụ lục số 08 kèm theo)

1.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình; có trách nhiệm quản lý và giám sát tổng thể về kết quả thực hiện xây dựng NTM của tất cả các địa phương trên cả tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện nhóm tiêu chí thuộc ngành quản lý như: Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai, tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; chỉ tiêu 17.1, 17.4, 17.9, 17.10 tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí xã NTM.

Tiêu chí số 03 Thủy lợi và phòng chống thiên tai; Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; Chỉ tiêu số 17,7, 17,8, 17.11 tiêu chí số 17 về môi trường và chỉ tiêu số 18.1, 18.2, 18.3, 18.4, 18.5, 18.6 tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

- Chủ trì xây dựng quy định và hướng dẫn thực hiện tiêu chí về sản xuất thuộc Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu theo Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Tiêu chí số 03 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai và Chỉ tiêu số 6.3, 6.4 thuộc Tiêu chí số 6 về kinh tế; chỉ tiêu 7.3, 7.6 thuộc tiêu chí môi trường; 8.1, 8.2 thuộc tiêu chí chất lượng môi trường sống Bộ tiêu chí huyện NTM; Tiêu chí số 03 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai và Chỉ tiêu số 6.3, 6.4 thuộc Tiêu chí số 6 về kinh tế; các chỉ tiêu 8.1, 8.2, 8.3, 8.6, 8.7, 8.8 thuộc tiêu chí chất lượng môi trường sống Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình.

1.2. Sở Giao thông vận tải: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện tiêu chí 2 về Giao thông thuộc Bộ tiêu chí xã NTM, xã NTM nâng cao; Tiêu chí số 2 về Giao thông thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM, huyện NTM nâng cao.

1.3. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện tiêu chí 1 về Quy hoạch và tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư thuộc Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao.

Chỉ tiêu số 17.5 tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ Bộ tiêu chí xã NTM.

Chỉ tiêu số 17.9 thuộc tiêu chí số 17 về Môi trường thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

Tiêu chí số 01 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM, huyện NTM nâng cao.

1.4. Sở Công Thương: Chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện tiêu chí số 4 về Điện và tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn thuộc Bộ tiêu chí xã NTM, xã NTM nâng cao.

Tiêu chí số 04 về Điện và chỉ tiêu số 6.1, 6.2 tiêu chí số 06 về Kinh tế thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM; Chỉ tiêu số 6.1, 6.3 thuộc tiêu chí số 06 về Kinh tế thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao.

1.5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện tiêu chí số 5 về trường học và tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo thuộc Bộ tiêu chí xã NTM và tiêu chí số 5 về giáo dục thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

- Chủ trì xây dựng quy định và hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giáo dục thuộc Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu theo Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ tiêu 5.3, 5.4 thuộc tiêu chí số 05 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục Bộ tiêu chí huyện NTM và chỉ tiêu 5.4, 5.5 thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao.

1.6. Sở Văn hoá và Thể thao

- Chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hoá và tiêu chí số 16 về Văn hóa và tiêu chí số 06 về Văn hóa thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

- Chủ trì xây dựng quy định và hướng dẫn thực hiện tiêu chí về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu theo Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ tiêu số 5.2 thuộc tiêu chí số 05 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục Bộ tiêu chí huyện NTM và chỉ tiêu số 5.2, 5.3 thuộc tiêu chí số 05 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao.

1.7. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông phối hợp với chính quyền địa phương triển khai xây dựng đồng bộ, rộng khắp hạ tầng bưu chính, viễn thông, nhất là các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, đáp ứng yêu cầu xây dựng hạ tầng số nông thôn. Hướng dẫn các xã đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử cấp xã, hướng tới xây dựng chính quyền số; Thí điểm và triển khai chuyển đổi số cấp xã, trong đó chú trọng chuyển đổi số trong một số lĩnh vực quan trọng như giáo dục, y tế, nông nghiệp, công nghiệp, môi trường, công nghệ tài chính thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông. Nâng cao năng lực, phát huy hiệu quả hệ thống thông tin cơ sở, trong đó nòng cốt là hệ thống truyền thanh cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông. Bảo đảm mọi người dân tiếp cận được các kênh thông tin thiết yếu của nhà nước thông qua các phương tiện truyền thông như báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông, internet.

- Chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông thuộc Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao; Chỉ tiêu số 15.1 tiêu chí số 15 về hành chính công thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

- Chủ trì xây dựng quy định và hướng dẫn thực hiện tiêu chí về chuyển đổi số thuộc Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu theo Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ tiêu số 9.5 thuộc tiêu chí số 9 về hệ thống chính trị - an ninh - trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM; chỉ tiêu số 8.9 tiêu chí số 8 về

chất lượng môi trường sống và chỉ tiêu số 9.2 thuộc tiêu chí số 9 về an ninh - trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao.

1.8. Cục Thống kê: Chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo tiêu chí số 10 về Thu nhập thuộc Bộ tiêu chí xã NTM, xã NTM nâng cao đảm bảo đúng theo quy định.

1.9. Sở Y tế: Chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện tiêu chí số 15 về y tế thuộc Bộ tiêu chí xã NTM và tiêu số 14 về Y tế thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

- Chủ trì xây dựng quy định và hướng dẫn thực hiện tiêu chí về y tế thuộc Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu theo Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Chỉ tiêu 5.1 về Y tế thuộc tiêu chí số 05 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục và thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao.

1.10. Sở Lao động Thương binh và Xã hội: Chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều và 12 về Lao động thuộc Bộ tiêu chí xã NTM, xã NTM nâng cao.

Chỉ tiêu số 18.5 tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí xã NTM.

Chủ trì thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Đồng thời ưu tiên lồng ghép kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, hằng năm để thực hiện các nội dung tiêu chí giảm nghèo, an sinh xã hội ở các xã, thôn/xóm/bản đăng ký nằm trong diện được thụ hưởng Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

1.11. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu số: 17.2, 17.3, 17.6, 17.7, 17.8, 17.11, 17.12 thuộc tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm.

Các chỉ tiêu số: 17.1, 17.2, 17.3, 17.4, 17.5, 17.6, 17.7, 17.10, 17.12 và chỉ tiêu số 18.7, 18.8 tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

- Chủ trì xây dựng quy định và hướng dẫn thực hiện tiêu chí về cảnh quan môi trường thuộc Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu theo Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các chỉ tiêu số 7.1, 7.2, 7.4, 7.5, 7.6, 7.7 tiêu chí số 7 về Môi trường và chỉ tiêu 8.3, 8.4 thuộc tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống Bộ tiêu chí

huyện NTM; các chỉ tiêu số: 7.1, 7.2, 7.4, 7.5, 7.7, 7.8 tiêu chí số 7 về môi trường và các chỉ tiêu số: 8.4, 8.5 tiêu chí số 8 về chất lượng môi trường số thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao.

Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch số 623/KH-UBND ngày 28/11/2019 kế hoạch bảo vệ môi trường nông thôn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh của UBND tỉnh Nghệ An. Đồng thời xây dựng chính sách bảo vệ môi trường và chất lượng môi trường sống trong xây dựng NTM.

1.12. Sở Nội vụ: Chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu số 18.1, 18.2, 18.3 tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí xã NTM.

Các chỉ tiêu số 9.1, 9.2, 9.3 tiêu chí số 9 về hệ thống chính trị - an ninh trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM; chỉ tiêu số 9.2 tiêu chí số 9 về an ninh, trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao.

Chỉ đạo Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh căn cứ Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025 để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch tổ chức thực hiện; Phối hợp với Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh xây dựng Kế hoạch và hướng dẫn, giám sát các địa phương, các ngành thực hiện phong trào thi đua xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025. Khen thưởng đúng thực chất và tránh chồng chéo cho các địa phương thật xuất sắc trong thực hiện và đạt chuẩn theo quy định; không khen thưởng đối với các địa phương đăng ký nhưng không đạt chuẩn theo kế hoạch đăng ký.

1.13. Sở Tư pháp: Chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện chỉ tiêu số 18.4 tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí xã NTM và tiêu chí số 16 xã NTM nâng cao; Chỉ tiêu 9.6 tiêu chí số 9 về hệ thống chính trị - an ninh trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM.

1.14. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Phối hợp với Công an tỉnh chỉ đạo thực hiện tiêu chí Quốc phòng và an ninh; Tham mưu, hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu Xây dựng lực lượng dân quân vũng mạnh rộng khắp đảm bảo theo tiêu chuẩn xây dựng NTM.

- Chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện chỉ tiêu số 19.1 tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh thuộc Bộ tiêu chí xã NTM, xã NTM nâng cao.

1.15. Công an tỉnh

- Tham mưu, chỉ đạo triển khai thực hiện tiêu chí An ninh trật tự xã hội nông thôn; Tập trung xây dựng các mô hình tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự gắn với xây dựng nội quy, quy ước thôn, bản an toàn về an ninh, trật tự,

phòng chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu; Hướng dẫn, chỉ đạo việc điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ và chính sách tạo điều kiện cho lực lượng công an xã chính quy, Công an xã bán chuyên trách và các tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn.

- Chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện chỉ tiêu số 19.2 tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh thuộc Bộ tiêu chí xã NTM, xã NTM nâng cao; Chỉ tiêu số 9.4 tiêu chí số 9 về hệ thống chính trị - an ninh trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM, chỉ tiêu số 9.2 tiêu chí số 9 về An ninh trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn NTM nâng cao.

- Chủ trì xây dựng quy định và hướng dẫn thực hiện tiêu chí về an ninh trật tự thuộc Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu theo Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

1.16. Sở Du lịch

Đẩy mạnh hoạt động thông tin tuyên truyền, vận động người dân vùng nông thôn nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm trong thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM, thực hiện nội dung xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở gắn với thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM; Phát triển các mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch trang trại, du lịch sinh thái có trách nhiệm (không săn bắt, tiêu thụ và sử dụng động vật, thực vật hoang dã bất hợp pháp); Có chương trình đánh giá, nhân rộng theo từng giai đoạn cụ thể. Triển khai các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch, xây dựng mạng lưới điểm đến, sản phẩm du lịch nông thôn tiêu biểu gắn với xây dựng NTM; Triển khai các hoạt động thúc đẩy liên kết phát triển du lịch và nông nghiệp, nông thôn trong Chương trình MTQG xây dựng NTM tại các địa phương gắn kết với tiêu chí phát triển du lịch của ASEAN; Phối hợp trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ quản lý về văn hóa, du lịch và phát triển nông thôn; triển khai chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch nông thôn; chuẩn hóa tài liệu đào tạo về kỹ năng nghề cho lao động nông thôn tham gia vào lĩnh vực du lịch nông thôn.

- Chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện chỉ tiêu số 13.7 tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao và chỉ tiêu số 9.5 tiêu chí số 6 về Kinh tế thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao.

- Chủ trì xây dựng quy định và hướng dẫn thực hiện tiêu chí về du lịch thuộc Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu theo Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

1.17. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư thực hiện Chương trình; hướng dẫn việc lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình.

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính để tham mưu UBND tỉnh cân đối ngân sách để thực hiện Đề án “Xây dựng Nam Đàn trở thành huyện NTM kiểu mẫu theo hướng phát triển văn hoá gắn với du lịch giai đoạn 2018-2025” theo mục a, điểm 6, Điều 1 của Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 04/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

1.18. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Chương trình; căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách tỉnh để bố trí dự toán nguồn kinh phí đối ứng hàng năm và cả giai đoạn thực hiện Chương trình; quản lý chặt chẽ nguồn kinh phí quy hoạch và các nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu khác không có tính chất đầu tư - xây dựng; thường xuyên kiểm tra, thanh tra việc sử dụng các nguồn vốn đầu tư cho Chương trình; tổng hợp quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình; cân đối bố trí vốn ngân sách địa phương các cấp đối ứng theo quy định của Trung ương để thực hiện Chương trình.

- Hàng năm cân đối ngân sách tỉnh để thực hiện Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ trong xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số Chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

1.19. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì phối hợp các sở ban, ngành nghiên cứu các nội dung về khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; ứng dụng các tiến bộ khoa học vào thực tiễn cuộc sống; Phối hợp Ban chủ nhiệm chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 Trung ương đề xuất các đề tài khoa học, các dự án, mô hình thực hiện trên địa bàn nông thôn Nghệ An góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống người dân đáp ứng nhiệm vụ xây dựng NTM đi vào chiều sâu, bền vững.

1.20. Ban Dân tộc

- Tổ chức thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Ưu tiên lồng ghép kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, hằng năm để thực hiện các nội dung tiêu chí giảm nghèo, an sinh xã hội ở các xã, thôn/xóm/bản đăng ký nằm trong diện được thụ hưởng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

1.21. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện chỉ tiêu số 15.2, 15.3 tiêu chí số 15 về hành chính công thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao và tiêu chí số 9 về An ninh, trật tự - Hành chính công đối với Tiêu chí số 9.2 - Có dịch công trực tuyến mức độ 4 thuộc Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao.

1.22. Liên minh hợp tác xã

- Thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã, gắn việc tuyên truyền về vai trò, vị trí của kinh tế tập thể, hợp tác xã với công tác xây dựng NTM trong giai đoạn mới.

- Chủ trì thực hiện tổ chức tập huấn quán triệt Nghị định 77/2019/NĐ-CP ngày 10/8/2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác làm tiền đề thành lập Hợp tác xã, nhất là tại các địa bàn có điều kiện nhưng chưa thành lập Hợp tác xã. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý Hợp tác xã để đội ngũ cán bộ quản lý Hợp tác xã làm tốt công tác phát triển Hợp tác xã đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương tư vấn xây dựng các mô hình Hợp tác xã kiểu mới gắn dịch vụ phục vụ sản xuất với tiêu thụ sản phẩm theo hướng liên kết chuỗi giá trị tại các xã xây dựng NTM.

1.23. Hội Nông dân tỉnh

Tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, nông dân tích cực thực hiện Chương trình; Vận động, tập hợp, làm nòng cốt tổ chức các phong trào nông dân phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng NTM; Phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội nông thôn; Hướng dẫn phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn, xây dựng mô hình phát triển sản xuất VietGap, OCOP. Tổ chức các hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ và dạy nghề, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, khoa học công nghệ giúp nông dân phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, bảo vệ môi trường.

1.24. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

Tuyên truyền, vận động, giáo dục phụ nữ giữ gìn, phát huy phẩm chất đạo đức, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và phụ nữ Việt Nam; tổ chức, tạo điều kiện để phụ nữ nâng cao nhận thức, trình độ, năng lực về mọi mặt, tích cực thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Tổ chức thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch xây dựng NTM”.

1.25. Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An

Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng NTM; Phối hợp với Văn phòng Điều phối, các huyện thành phố thông tin các mô hình, các kinh nghiệm tốt để tuyên truyền nhân rộng; Thông tin kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện xây dựng NTM để khắc phục.

1.26. Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG gia xây dựng NTM tỉnh

- Duy trì hoạt động của Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM làm cơ quan Thường trực Chương trình, tham mưu giúp việc cho Ban chỉ đạo; tham mưu cho UBND tỉnh, Ban chỉ đạo tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025; Tổng hợp điều phối hoạt động của các sở, ban, ngành để thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng NTM.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình của các ngành, các địa phương.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo tỉnh xây dựng kế hoạch vốn, phân bổ vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động khác để xây dựng NTM.

- Tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM ở huyện, xã.

- Tổ chức thực hiện một số mô hình phát triển sản xuất theo hướng liên kết chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển các hình thức tổ chức sản xuất; Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn; môi trường. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả.

- Tham mưu triệu tập các thành viên của Hội đồng thẩm định tỉnh thẩm định các xã đạt chuẩn theo các mức độ (*đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu*); trình Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; thẩm tra, đánh giá, hoàn thiện hồ sơ trình Trung ương thẩm định công nhận đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao.

- Chuẩn bị nội dung, chương trình cho các cuộc họp, hội nghị, hội thảo của Ban chỉ đạo và các Báo cáo theo yêu cầu của Trưởng, Phó Ban chỉ đạo tỉnh.

Chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện chỉ tiêu số 18.6 - Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng NTM cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban phát triển thôn thuộc tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí xã NTM.

2. Trách nhiệm của UBND huyện, thành phố, thị xã

- Hàng năm, trên cơ sở tiến độ thực hiện từng hạng mục, công việc, chủ động sử dụng nguồn kinh phí của địa phương, nguồn vốn tín dụng, vốn huy động của doanh nghiệp và nhân dân để thực hiện, không chờ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và tỉnh.

- Lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM của huyện.

- Hướng dẫn, chỉ đạo các xã rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng NTM phù hợp với phát triển kinh tế xã hội của huyện, của vùng.

- Tổ chức thẩm tra, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung tiêu chí của xã, trình tỉnh thẩm định và công nhận xã đạt chuẩn NTM; Thẩm định và công nhận các thôn, bản đạt chuẩn NTM, Vườn đạt chuẩn NTM.

- Chỉ đạo, bố trí và phân bổ nguồn lực hợp lý, thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát để kịp thời chỉ đạo, xử lý những vướng mắc và tổng hợp, báo cáo tiến độ triển khai thực hiện NTM trên địa bàn đúng theo kế hoạch.

Sau khi hoàn thành kết quả xây dựng NTM trên địa bàn, Ban Chỉ đạo xây dựng NTM địa phương phải có báo cáo kết quả xây dựng NTM tại địa phương và văn bản đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp liên quan, tổ chức lấy ý kiến hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM trên địa bàn theo đúng quy định.

3. Trách nhiệm của UBND xã

- Tổ chức thực hiện công tác khảo sát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đúng với định hướng phát triển kinh tế xã hội của xã, của vùng.

- Tổ chức thực hiện Đề án/kế hoạch xây dựng NTM đã được phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện các nội dung về xây dựng NTM theo Bộ tiêu chí quốc gia, giám sát đánh giá và báo cáo về tình hình thực hiện chương trình cho BCD huyện đúng thời gian quy định.

4. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Tăng cường chỉ đạo các cơ quan truyền thông tuyên truyền, mở các chuyên trang, chuyên mục, tăng cường thời lượng phát sóng tuyên truyền về các nội dung, phương pháp tổ chức thi đua hiệu quả ở các đơn vị, địa phương; biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua “Nghệ An xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững”.

5. Đề nghị Ủy ban MTTQ tỉnh

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tổ chức hướng dẫn các xã lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM theo quy định.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền nội dung xây dựng NTM; Tuyên truyền, vận động ký giao ước thi đua giữa các tổ chức trực thuộc, đoàn viên, hội viên để tích cực hưởng ứng, tham gia xây dựng NTM, nhằm thúc đẩy thực hiện hiệu quả, thắng lợi Phong trào thi đua “Nghệ An chung sức xây dựng NTM”; tiếp tục thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”. Qua đó cùng cấp ủy, chính quyền thực hiện tốt, hiệu quả chương trình xây dựng NTM.

- Tham gia giám sát, phản biện quá trình thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn toàn tỉnh.

6. Quy định chung

- Đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh có các chỉ tiêu, tiêu chí đã được phân công (như trên). Hàng năm tổ chức hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương triển khai xây dựng NTM khi có quyết định phê duyệt danh sách đăng ký đạt chuẩn NTM trong năm kế hoạch.

Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chủ trì phối hợp với Văn phòng Điều phối xây dựng NTM tỉnh theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, hướng dẫn của sở, ban, ngành cấp tỉnh đối với các nội dung, tiêu chí do ngành phụ trách. Đưa vào chỉ tiêu đánh giá thi đua, xếp loại hàng năm của sở, ban, ngành cấp tỉnh.

- Định kỳ hàng quý (ngày 20 tháng cuối quý) các địa phương cấp huyện; các Sở, ban, ngành cấp tỉnh báo cáo kết quả về Ban chỉ đạo tỉnh (Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. Trường hợp đặc biệt, cần số liệu và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Ban chỉ đạo tỉnh, Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh có văn bản và đề cương cụ thể.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cấp, ngành và UBND các huyện báo cáo bằng văn bản về Ban chỉ đạo tỉnh (Văn phòng Điều phối Chương

trình MTQG xây dựng NTM tỉnh) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế.

Các Sở, Ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Ủy ban nhân dân các xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình và Đề án/kế hoạch xây dựng NTM các cấp (*huyện, xã*) theo các mức độ (*đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu*) để tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng NTM trong từng năm và giai đoạn 2021-2025./. *ML*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN *✓*

**Phụ lục số 8: PHÂN CÔNG CÁC NGÀNH TRỰC TIẾP CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN, GIÚP CÁC ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**
(Kèm theo Quyết định số 1595/QĐ-UBND ngày 18/6/2022 của UBND tỉnh)

TT	Đơn vị	Địa phương	Ghi chú
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Huyện Yên Thành	Huyện đạt chuẩn Nông thôn mới và đã được UBND tỉnh đồng ý cho xây dựng Đề án huyện Nông thôn mới nâng cao
2	Sở Văn hóa và Thể thao	Huyện Nam Đàn	Huyện đạt chuẩn Nông thôn mới và hiện đang thực hiện Đề án “Xây dựng Nam Đàn trở thành huyện NTM kiểu mẫu theo hướng phát triển văn hoá gắn với du lịch giai đoạn 2018-2025” theo Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 04/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ
3	Công an tỉnh	Huyện Nghi Lộc	Huyện đạt chuẩn Nông thôn mới và đang tiến hành xây dựng Nông thôn mới nâng cao
4	Sở Tài chính	Huyện Quỳnh Lưu	Huyện đăng ký đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2021
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Huyện Hưng Nguyên	Huyện dự kiến đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2023
6	Sở Công Thương	Huyện Đô Lương	Huyện dự kiến đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2022
7	Sở Y tế	Huyện Diễn Châu	Huyện dự kiến đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2022
8	Sở Giao thông Vận tải	Huyện Thanh Chương	
9	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Huyện Anh Sơn	
10	Sở Tư pháp	Huyện Tân Kỳ	
11	Sở Xây dựng	Thị xã Hoàng Mai	Thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng năm 2020
12	Sở Khoa học và Công nghệ	Thành phố Vinh	Thành phố Vinh đã hoàn thiện nhiệm vụ xây dựng Nông thôn mới và đang xây dựng huyện Nông thôn mới nâng cao
13	Sở Thông tin và Truyền thông	Huyện Nghĩa Đàn	Huyện dự kiến đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2025
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	Huyện Quỳnh Hợp	
15	Sở Nội vụ	Huyện Con Cuông	
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	Huyện Tương Dương	
17	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Huyện Kỳ Sơn	
18	Ban Dân tộc tỉnh	Huyện Quế Phong	
19	Cục Thông kê tỉnh	Huyện Quỳnh Châu	
20	Sở Du lịch	Thị xã Thái Hòa	Thị xã đã hoàn thiện nhiệm vụ xây dựng Nông thôn mới và đang xây dựng huyện Nông thôn mới nâng cao

Phụ lục số 1: TỔNG HỢP CÁC TIÊU CHÍ ĐÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2010-2020

(Kèm theo Quyết định số: 1595 /QĐ-UBND ngày 08 /6/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: xã

Số Tiêu chí	Tên tiêu chí (*)	Hiện trạng năm 2010		Kết quả tiêu chí đến hết năm 2015		Kết quả tiêu chí đến hết năm 2020		Ghi chú
		Số xã	Tỷ lệ (%)	Số xã	Tỷ lệ (%)	Số xã	Tỷ lệ (%)	
1	Quy hoạch	20	4,64	431	100,00	411	100,00	
2	Giao thông	0	-	135	31,32	307	74,70	
3	Thủy lợi	4	0,93	200	46,40	381	92,70	
4	Điện	134	31,09	329	76,33	372	90,51	
5	Trường học	65	15,08	224	51,97	348	84,67	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	10	2,32	151	35,03	316	76,89	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	31	7,19	218	50,58	371	90,27	
8	Thông tin và truyền thông	122	28,31	402	93,27	383	93,19	
9	Nhà ở dân cư	20	4,64	304	70,53	324	78,83	
10	Thu nhập	9	2,09	299	69,37	319	77,62	
11	Hộ nghèo	18	4,18	194	45,01	318	77,37	
12	Lao động có việc làm	12	2,78	316	73,32	393	95,62	
13	Hình thức tổ chức sản xuất	202	46,87	298	69,14	353	85,89	
14	Giáo dục	52	12,06	311	72,16	397	96,59	
15	Y tế	220	51,04	314	72,85	390	94,89	
16	Văn hóa	78	18,10	188	43,62	336	81,75	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	10	2,32	201	46,64	319	77,62	
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	245	56,84	357	82,83	370	90,02	
19	Quốc phòng và An ninh	332	77,03	418	96,98	404	98,30	

(*) Tổng hợp và đánh giá theo Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn Nông thôn mới giai đoạn 2010-2015 và giai đoạn 2016-2020

Phụ lục số 2: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1595 /QĐ-UBND ngày 08 /76/2022 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả đến hết năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025											
				Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Lũy kế đến hết năm 2025	
				Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)
A	CẤP HUYỆN														
1	Hoàn thành nhiệm vụ/Đạt chuẩn Nông thôn mới *		6	1		1		1		1		1		11	55,00
2	Nông thôn mới nâng cao									1		1		2	10,00
3	Nông thôn mới kiểu mẫu									1				1	5,00
B	CẤP XÃ														
1	Tổng số xã	Xã	411	411		411		411		411		411		411	100,00
2	Số tiêu chí đạt chuẩn bình quân/xã	Tiêu chí	16,52	16,8		16,95		17,00		17,21		17,31		17,31	
3	Xã đạt chuẩn Nông thôn mới	Xã	280	20	4,87	10	2,43	10	2,43	10	2,43	7	1,70	337	82,00
4	Xã Nông thôn mới nâng cao	Xã	2	24	8,00	22	7,10	33	10,31	31	9,39	23	6,80	135	39,94
5	Xã Nông thôn mới kiểu mẫu	Xã		2	0,67	4	1,29	9	2,81	10	3,03	9	2,66	34	10,06
6	Số xã đạt theo số lượng tiêu chí														
C	CẤP THÔN, XÓM, BÀN														
1	Tổng số thôn/xóm/bản	Thôn/xóm/bản	1.438	1.271		1.271		1.271		1.271		1.271			-
2	Số thôn/xóm/bản đạt chuẩn NTM (không thuộc các xã đạt chuẩn)		168**	50	3,9	39	3,10	39,0	3,1	3,7	2,9	35,0	2,75	368	28,95
D	VƯỜN CHUẨN NTM														
1	Số Vườn đạt chuẩn	Vườn	70	146		166		190,0		172,0		126,0		870	

Ghi chú:

(*) Có 06 Đơn vị cấp huyện đã đạt chuẩn NTM gồm: TX Thái Hoà, TP Vinh, Nam Đàn, Yên Thành, Nghi Lộc, TX Hoàng Mai; 05 Đơn vị cấp huyện có khả năng đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 gồm: Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Đô Lương, Hưng Nguyên, Nghĩa Đàn.

(**) Đến 31/12/2020 toàn tỉnh có 898 thôn/bản đạt chuẩn Nông thôn mới, trong đó: Có 168 thôn, bản không thuộc các xã Đạt chuẩn Nông thôn mới; 730 thôn bản thuộc các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới

Phụ lục số 2.1: CHỈ TIÊU, KẾ HOẠCH XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

TT	Tên đơn vị hành chính	Tổng số xã, phường, thị trấn	Xã xây dựng Nông thôn mới						Số xã đã đạt giai đoạn 2010-2020	Kế hoạch xã đạt chuẩn Nông thôn mới từng năm giai đoạn 2021-2025					Tổng số xã đạt chuẩn NTM đến năm 2025
			Tổng số	Xã đồng bằng, trung du	Xã miền núi(*)			Xã bãi ngang ven biển		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
					KV1	KV2	KV3								
	Toàn tỉnh	460	411	283	49	0	76	3	280	20	10	10	10	7	337
I	Các huyện đồng bằng	250	215	211	1	0	0	3	203	10	2	0	0	0	215
1	Huyện Diễn Châu	37	36	33				3	30	4	2				36
2	Huyện Quỳnh Lưu	33	32	31	1				30	2					32
3	Huyện Yên Thành	39	38	38					38						38
4	Huyện Đô Lương	33	32	32					29	3					32
5	Thị xã Hoàng Mai	10	5	5					5						5
1	Huyện Nam Đàn	19	18	18					18						18
2	Huyện Hưng Nguyên	18	17	17					16	1					17
3	Huyện Nghi Lộc	29	28	28					28						28
4	Thành phố Vinh	25	9	9					9						9
5	Thị xã Cửa Lò	7													
II	Các huyện miền núi	210	196	72	48	0	76	0	77	10	8	10	10	7	122
1	Huyện Tân Kỳ	22	21	10	11				12	1	1	2	1		17
2	Huyện Nghĩa Đàn	23	22	7	15				14	3	1	2	2		22
3	Huyện Quỳnh Hợp	21	20		6		14		6		1	1	1	1	10
4	Huyện Quỳnh Châu	12	11		2		9		1	1	0	0	1		3
5	Huyện Quế Phong	13	12		1		11		0	0	1	0	0	1	2
6	Thị xã Thái Hòa	9	5	4	1				5						5
1	Huyện Thanh Chương	38	37	35			2		18	3	2	3	2	2	30
2	Huyện Anh Sơn	21	20	16	4				13	2	1	1	1	1	19
3	Huyện Con Cuông	13	12		3		9		3	0	1	1	0	0	5
4	Huyện Tương Dương	17	16		4		12		4		0	0	1	1	6
5	Huyện Kỳ Sơn	21	20		1		19		1	0	0	0	1	1	3

Ghi chú: (*) Tại Quyết định 861/TTg Nghệ An có 76 xã KV3 và 55 xã, phường, thị trấn miền núi KV1 (Có 6 thị trấn, phường không thuộc đối tượng chương trình NTM)

**Phụ lục số 2.2: CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

TT	Tên đơn vị hành chính	Tổng số xã, phường, thị trấn	Xã xây dựng Nông thôn mới						Số xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao đến hết 31/12/2020	Kế hoạch số xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao từng năm					
			Tổng g số	Xã đồng bằng, trung du	Xã miền núi			Xã bãi ngang ven biển		Tổng số	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
					KV1	KV2	KV3								
	Toàn tỉnh	460	411	283	49	0	76	3	2	133	24	21	33	30	25
I	Các huyện đồng bằng	250	215	211	1	0	0	3	2	99	18	20	22	22	17
1	Huyện Diễn Châu	37	36	33				3		13	2	2	3	3	3
2	Huyện Quỳnh Lưu	33	32	31	1				1	10	2	2	1	2	3
3	Huyện Yên Thành	39	38	38						19	3	3	4	5	4
4	Huyện Đô Lương	33	32	32						10	2	2	4	1	1
5	Thị xã Hoàng Mai	10	5	5						3			1	2	
1	Huyện Nam Đàn	19	18	18					1	17	4	5	3	5	
2	Huyện Hưng Nguyên	18	17	17						6	2	1	2	1	
3	Huyện Nghi Lộc	29	28	28						14	1	3	3	3	4
4	Thành phố Vinh	25	9	9						7	2	2	1		2
5	Thị xã Cửa Lò	7								0					
II	Các huyện miền núi	210	196	72	48	0	76	0	0	34	6	1	11	8	8
1	Huyện Tân Kỳ	22	21	10	11					5	1		2	1	1
2	Huyện Nghĩa Đàn	23	22	7	15					4			2	2	
3	Huyện Quỳnh Hợp	21	20		6		14			3			1	1	1
4	Huyện Quỳnh Châu	12	11		2		9			2			1	1	
5	Huyện Quế Phong	13	12		1		11			1					1
6	Thị xã Thái Hòa	9	5	4	1					5	2	1	1	1	
1	Huyện Thanh Chương	38	37	35			2			6	2		2		2
2	Huyện Anh Sơn	21	20	16	4					6	1		2	2	1
3	Huyện Con Cuông	13	12		3		9			1					1
4	Huyện Tương Dương	17	16		4		12			1					1
5	Huyện Kỳ Sơn	21	20		1		19			0					

**Phụ lục số 2.3: CHỈ TIÊU, KẾ HOẠCH XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

TT	Tên đơn vị hành chính	Tổng số xã, phường, thị trấn	Xã xây dựng Nông thôn mới						Kế hoạch số xã đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu từng năm					
			Tổng số	Xã đồng bằng, trung	Xã miền núi			Xã bãi ngang ven biển	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
					KV1	KV2	KV3							
	Toàn tỉnh	460	411	283	49	0	76	3	34	2	4	9	10	9
I	Các huyện đồng bằng	250	215	211	1	0	0	3	29	2	4	7	9	7
1	Huyện Diễn Châu	37	36	33				3	3			1	1	1
2	Huyện Quỳnh Lưu	33	32	31	1				3	1		1		1
3	Huyện Yên Thành	39	38	38					3		1	1	1	
4	Huyện Đô Lương	33	32	32					2			1		1
5	Thị xã Hoàng Mai	10	5	5					1				1	
1	Huyện Nam Đàn	19	18	18					10	1	2	2	3	2
2	Huyện Hưng Nguyên	18	17	17					2			1	1	
3	Huyện Nghi Lộc	29	28	28					2				1	1
4	Thành phố Vinh	25	9	9					3		1		1	1
5	Thị xã Cửa Lò	7							0					
II	Các huyện miền núi	210	196	72	48	0	76	0	5	0	0	2	1	2
1	Huyện Tân Kỳ	22	21	10	11				1			1		
2	Huyện Nghĩa Đàn	23	22	7	15				1					1
3	Huyện Quỳnh Hợp	21	20		6		14		1					1
4	Huyện Quỳnh Châu	12	11		2		9		0					
5	Huyện Quế Phong	13	12		1		11		0					
6	Thị xã Thái Hòa	9	5	4	1				1			1		
1	Huyện Thanh Chương	38	37	35			2		1				1	
2	Huyện Anh Sơn	21	20	16	4				0					
3	Huyện Con Cuông	13	12		3		9		0					
4	Huyện Tương Dương	17	16		4		12		0					
5	Huyện Kỳ Sơn	21	20		1		19		0					

Phụ lục số 3: CHỈ TIÊU, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số: 4595/QĐ-UBND ngày 08/16/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Xã

TT	Địa phương Tiêu chí (*)	Tổng	Các địa phương (số xã đạt tiêu chí)																				
			Thái Hòa	TP Vinh	Nam Đàn	Yên Thành	Nghi Lộc	Hoàng Mai	Quỳnh Lưu	Hưng Nguyên	Diễn Châu	Đô Lương	Nghĩa Đàn	Tân Kỳ	Quỳ Hợp	Anh Sơn	Thanh Chương	Con Cuông	Tương Dương	Kỳ Sơn	Quỳ Châu	Quế Phong	
	Bình quân tiêu chí/xã	17,31	19,00	19,00	19,00	19,00	19,00	19,00	19,00	19,00	19,00	19,00	19,00	16,14	14,70	18,20	16,05	14,42	14,06	10,50	12,82	13,50	
	Tổng tiêu chí đạt	7.114	95	171	342	722	532	95	608	323	684	608	418	339	294	364	594	173	239	210	141	162	
1	Quy hoạch	411	5	9	18	38	28	5	32	17	36	32	22	21	20	20	37	12	16	20	11	12	
2	Giao thông	357	5	9	18	38	28	5	32	17	36	32	22	17	12	19	30	8	10	6	6	7	
3	Thủy lợi và phòng chống thiên tai	369	5	9	18	38	28	5	32	17	36	32	22	17	13	19	30	7	13	15	6	7	
4	Điện	377	5	9	18	38	28	5	32	17	36	32	22	17	15	19	31	8	13	16	8	8	
5	Giáo dục	362	5	9	18	38	28	5	32	17	36	32	22	17	14	19	30	9	10	6	8	7	
6	Văn hóa	357	5	9	18	38	28	5	32	17	36	32	22	17	11	19	30	8	10	6	7	7	
7	Dịch vụ, thương mại	357	5	9	18	38	28	5	32	17	36	32	22	17	10	19	31	7	10	9	5	7	
8	Thông tin và truyền thông	395	5	9	18	38	28	5	32	17	36	32	22	21	17	20	37	9	15	16	6	12	
9	Nhà ở dân cư	368	5	9	18	38	28	5	32	17	36	32	22	18	18	19	30	10	10	8	4	9	
10	Thu nhập	360	5	9	18	38	28	5	32	17	36	32	22	17	16	19	31	8	9	7	5	6	
11	Hộ nghèo	359	5	9	18	38	28	5	32	17	36	32	22	17	16	19	31	8	9	7	4	6	
12	Lao động	374	5	9	18	38	28	5	32	17	36	32	22	18	16	19	30	10	13	8	7	11	
13	Tổ chức sản xuất	370	5	9	18	38	28	5	32	17	36	32	22	17	15	19	30	9	13	9	7	9	
14	Y tế	365	5	9	18	38	28	5	32	17	36	32	22	17	14	19	30	8	12	8	7	8	
15	Hệ thống chính trị	383	5	9	18	38	28	5	32	17	36	32	22	17	15	19	34	11	17	8	11	9	
16	Tiếp cận pháp luật	374	5	9	18	38	28	5	32	17	36	32	22	19	19	19	31	10	10	6	10	8	
17	Môi trường	381	5	9	18	38	28	5	32	17	36	32	22	17	16	19	30	10	15	15	9	8	

TT	Địa phương Tiêu chí (*)	Tổng	Các địa phương (số xã đạt tiêu chí)																			
			Thái Hòa	TP Vinh	Nam Đàn	Yên Thành	Nghi Lộc	Hoàng Mai	Quỳnh Lưu	Hưng Nguyên	Diễn Châu	Đô Lương	Nghĩa Đàn	Tân Kỳ	Quý Hợp	Anh Sơn	Thanh Chương	Con Cuông	Tương Dương	Kỳ Sơn	Quý Châu	Quế Phong
18	Chất lượng môi trường sống	389	5	9	18	38	28	5	32	17	36	32	22	17	17	19	30	9	17	20	9	9
19	Quốc phòng và An ninh	406	5	9	18	38	28	5	32	17	36	32	22	21	20	20	31	12	17	20	11	12

(*) Tổng hợp theo chỉ tiêu, tiêu chí của Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025

Phụ lục số 4: KẾ HOẠCH BÌNH QUÂN TIÊU CHÍ/1 XÃ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số: 1585/QĐ-UBND ngày 08/16/2022 của UBND tỉnh)

[illegible]

**Phụ lục số 5: KẾ HOẠCH THÔN, XÓM BÀN THUỘC CÁC XÃ KHU VỰC III VÀ XÃ BIÊN GIỚI ĐẠT CHUẨN
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số: ~~1595~~ /QĐ-UBND ngày ~~08~~ /6/2022 của UBND tỉnh)

TT	Huyện	Tổng số xã	Tổng thôn/bản đạt chuẩn giai đoạn 2016- 2020	Phân bổ chỉ tiêu các bản đạt giai đoạn 2021-2025					
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng giai đoạn
	Tổng	149	44	50	39	39	37	35	200
1	Huyện Kỳ Sơn	20	10	6	7	7	7	7	34
2	Huyện Quế Phong	12	7	6	6	6	6	6	30
3	Huyện Quỳnh Châu	11	5	5	6	4	3	3	21
4	Huyện Tương Dương	17	5	15	7	7	8	7	44
5	Huyện Quỳnh Hợp	20	5	3	6	6	6	6	27
6	Huyện Con Cuông	12	3	6	5	3	2	2	18
7	Huyện Anh Sơn	20	3	5				2	7
8	Huyện Thanh Chương	37	6	4	2	6	5	2	19

Phụ lục số 6: KẾ HOẠCH XÂY DỰNG VƯỜN CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 1595 /QĐ-UBND ngày 08 /7 /2022 của UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị hành chính	Tổng Vườn đạt chuẩn giai đoạn 2016-2020	Chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025																	
			Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Tổng		
			Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó	
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động nguồn lực khác		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động nguồn lực khác		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động nguồn lực khác		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động nguồn lực khác		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động nguồn lực khác		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động nguồn lực khác
	Tổng	70	146	70	76	166	66	100	190	66	124	172	59	113	126	39	87	800	300	500
I	Các huyện đồng bằng	70	103	47	56	101	35	66	110	33	77	99	30	69	76	23	53	489	168	321
1	Huyện Diễn Châu		12	5	7	12	4	8	13	4	9	11	3	8	9	3	6	57	19	38
2	Huyện Quỳnh Lưu		12	5	7	12	4	8	13	4	9	11	3	8	9	3	6	57	19	38
3	Huyện Yên Thành	10	12	5	7	13	5	8	13	4	9	11	3	8	10	4	6	59	21	38
4	Huyện Đô Lương	40	12	5	7	12	4	8	13	4	9	11	3	8	9	3	6	57	19	38
5	Thị xã Hoàng Mai		4	2	2	4	2	2	11	2	9	10	2	8	6		6	35	8	27
6	Huyện Nam Đàn	20	14	6	8	13	5	8	14	5	9	13	5	8	10	4	6	64	25	39
7	Huyện Hưng Nguyên		18	10	8	13	5	8	13	4	9	13	5	8	9	3	6	66	27	39
8	Huyện Nghi Lộc		10	5	5	12	4	8	13	4	9	12	4	8	9	3	6	56	20	36
9	Thành phố Vinh		9	4	5	10	2	8	7	2	5	7	2	5	5		5	38	10	28
10	Thị xã Cửa Lò		0			0			0			0			0			0	0	0
II	Các huyện miền núi	0	43	23	20	65	31	34	80	33	47	73	29	44	50	16	34	311	132	179
1	Huyện Tân Kỳ		10	5	5	9	4	5	12	4	8	12	4	8	6		6	49	17	32
2	Huyện Nghĩa Đàn		8	3	5	11	4	7	13	4	9	11	3	8	8		8	51	14	37
3	Huyện Quỳnh Hợp		6	3	3	6	3	3	6	3	3	6	3	3	4	2	2	28	14	14
4	Huyện Quỳnh Châu		4	2	2	6	3	3	6	3	3	6	3	3	3	2	1	25	13	12
5	Huyện Quế Phong		3	3		3	3		5	3	2	5	3	2	3	2	1	19	14	5
6	Thị xã Thái Hòa		0			5		5	5		5	5		5	5		5	20	0	20
7	Huyện Thanh Chương		9	4	5	10	4	6	14	5	9	12	4	8	8	3	5	53	20	33
8	Huyện Anh Sơn		0			6	3	3	8	3	5	6	3	3	4	2	2	24	11	13
9	Huyện Con Cuông		3	3		3	3		5	4	1	6	4	2	5	3	2	22	17	5
10	Huyện Tương Dương		0			4	2	2	4	2	2	2	1	1	3	1	2	13	6	7
11	Huyện Kỳ Sơn		0			2	2		2	2		2	1	1	1	1		7	6	1

**Phụ lục số 7: KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số: 1595/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung huy động	Huy động nguồn lực 2010-2020						Dự kiến kế hoạch huy động nguồn lực giai đoạn 2021-2025		Dự kiến cơ cấu nguồn vốn của Trung ương giai đoạn 2021-2025 (Văn bản số 5301/TTr- BNN-VPĐP)	
		Tổng		Trong đó							
				Giai đoạn 2010-2015		Giai đoạn 2016-2020					
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
	Tổng 1-5	67.018.679	100,00	20.912.662	100,00	46.106.017	100,00	56.258.564	100,00	2.454.712.000	100,00
1	Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư	8.814.218	13,15	2.664.679	12,74	6.149.539	13,34	4.958.496	8,81	196.332.000	8,00
1.1	Vốn Trung ương hỗ trợ	3.954.390	5,90	757.490	3,62	3.196.900	6,93	1.682.896	2,99	39.632.000	1,60
1.2	Vốn ngân sách địa phương	4.859.828	7,25	1.907.189	9,12	2.952.639	6,41	3.275.600	5,82	156.700.000	6,40
a)	Vốn đầu tư, hỗ trợ của tỉnh	1.161.073	1,73	603.574	2,89	557.499	1,22	675.600	1,20		
b)	Vốn đầu tư, hỗ trợ của các huyện	2.043.505	3,05	798.568	3,81	1.244.937	2,70	1.750.000	3,11		
c)	Vốn đầu tư của các xã	1.655.250	2,47	505.047	2,42	1.150.203	2,49	850.000	1,51		
2	Vốn lồng ghép từ các Chương trình MTQG, các Chương trình, dự án khác thực hiện trên địa bàn nông thôn để hỗ trợ hoàn thành các tiêu chí Nông thôn mới	12.699.995	18,95	7.354.481	35,17	5.345.514	11,59	5.091.812	9,05	224.080.000	9,00
3	Vốn tín dụng (Dự nợ cho vay trên địa bàn các xã trên toàn quốc giai đoạn 2021-2025)	32.037.643	47,80	2.649.500	12,67	29.388.143	63,74	40.550.687	72,08	1.790.000.000	73,00
4	Vốn doanh nghiệp	3.230.667	4,82	1.741.138	8,33	1.489.529	3,23	2.432.755	4,32	105.000.000	4,30
5	Huy động đóng góp tự nguyện của người dân và cộng đồng	10.236.156	15,27	6.502.864	31,10	3.733.292	8,10	3.224.814	5,73	139.300.000	5,70
5.1	Đóng góp bằng tiền	6.908.315		4.513.300		2.395.015					
5.2	Hiến đất, vật tư quy đổi thành tiền	2.206.561		1.565.376		641.185					
5.3	Ngày công lao động quy đổi thành tiền	1.121.280		424.188		697.092					

**Phụ lục số 8: PHÂN CÔNG CÁC NGÀNH TRỰC TIẾP CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN, GIÚP CÁC ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**
(Kèm theo Quyết định số: 1535../QĐ-UBND ngày 08/06/2022 của UBND tỉnh)

TT	Đơn vị	Địa phương	Ghi chú
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Huyện Yên Thành	Huyện đạt chuẩn Nông thôn mới và đã được UBND tỉnh đồng ý cho xây dựng Đề án huyện Nông thôn mới nâng cao
2	Sở Văn hóa và Thể thao	Huyện Nam Đàn	Huyện đạt chuẩn Nông thôn mới và hiện đang thực hiện Đề án “Xây dựng Nam Đàn trở thành huyện NTM kiểu mẫu theo hướng phát triển văn hoá gắn với du lịch giai đoạn 2018-2025” theo Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 04/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ
3	Công an tỉnh	Huyện Nghi Lộc	Huyện đạt chuẩn Nông thôn mới và đang tiến hành xây dựng Nông thôn mới nâng cao
4	Sở Tài chính	Huyện Quỳnh Lưu	Huyện đăng ký đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2021
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Huyện Hưng Nguyên	Huyện dự kiến đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2023
6	Sở Công Thương	Huyện Đô Lương	Huyện dự kiến đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2022
7	Sở Y tế	Huyện Diễn Châu	Huyện dự kiến đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2022
8	Sở Giao thông Vận tải	Huyện Thanh Chương	
9	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Huyện Anh Sơn	
10	Sở Tư pháp	Huyện Tân Kỳ	
11	Sở Xây dựng	Thị xã Hoàng Mai	Thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng năm 2020
12	Sở Khoa học và Công nghệ	Thành phố Vinh	Thành phố Vinh đã hoàn thiện nhiệm vụ xây dựng Nông thôn mới và đang xây dựng huyện Nông thôn mới nâng cao
13	Sở Thông tin và Truyền thông	Huyện Nghĩa Đàn	Huyện dự kiến đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2025
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	Huyện Quỳnh Hợp	
15	Sở Nội vụ	Huyện Con Cuông	
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	Huyện Tương Dương	
17	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Huyện Kỳ Sơn	
18	Ban Dân tộc tỉnh	Huyện Quế Phong	
19	Cục Thông kê tỉnh	Huyện Quỳnh Châu	
20	Sở Du lịch	Thị xã Thái Hòa	Thị xã đã hoàn thiện nhiệm vụ xây dựng Nông thôn mới và đang xây dựng huyện Nông thôn mới nâng cao

